

Số: 66/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học
ngành Nông nghiệp công nghệ cao của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVIII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVIII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Nông nghiệp công nghệ cao của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVIII ngày 22/6/2024 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Nông nghiệp công nghệ cao (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Học viện đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 46 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Học viện Nông nghiệp Việt Nam và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Nông nghiệp công nghệ cao của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị quyết số: 66/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4.20	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4						
		Tiêu chí 7.4	4						
Tiêu chuẩn 2		4.00	3	100%	Tiêu chí 7.5	5			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chí 8.1	4	4.20	5	100%
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 8.2	4						
		Tiêu chí 8.3	4						
		Tiêu chí 8.4	4						
Tiêu chuẩn 3		4.00	3	100%	Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 9.1	5	4.00	3	60%
Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chí 9.2	3						
		Tiêu chí 9.3	5						
		Tiêu chí 9.4	3						
		Tiêu chí 9.5	4						
Tiêu chuẩn 4		4.33	3	100%	Tiêu chuẩn 10		4.17	6	100%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 4.2	5				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 10.3	4						
		Tiêu chí 10.4	5						
		Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chuẩn 5		3.80	4	80%	Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 11.1	3	4.00	4	80%
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 11.4	5						
		Tiêu chí 11.5	4						
Tiêu chuẩn 6		4.43	7	100%					
Tiêu chí 6.1	5								
Tiêu chí 6.2	4								
Tiêu chí 6.3	4								
Tiêu chí 6.4	4								
Tiêu chí 6.5	5								
Tiêu chí 6.6	4								
Tiêu chí 6.7	5								
Đánh giá chung CTĐT					Số tiêu chí đạt		Tỉ lệ số tiêu chí đạt		
					46		92%		

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

*(Kèm theo Nghị quyết số: 66/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Nông nghiệp công nghệ cao (CTĐT) của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã được Học viện tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra thể hiện rõ ràng yêu cầu chung và chuyên biệt của CTĐT, phù hợp với mục tiêu đào tạo; được cập nhật trên cơ sở tham khảo ý kiến các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần có đủ thông tin cốt lõi, được cập nhật nội dung kiến thức mới. Chương trình dạy học được thiết kế tiếp cận theo chuẩn đầu ra, có trình tự khá hợp lý, gắn kết và liên mạch giữa các học phần; tổ hợp phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra. Triết lý giáo dục được xác định rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan; phương pháp giảng dạy, hoạt động học tập đa dạng, lấy người học làm trung tâm, phù hợp với chuẩn đầu ra. Quy định và hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành đầy đủ và phổ biến đến giảng viên và người học để thực hiện; phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, người học dễ dàng tiếp cận quy trình khiếu nại. Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được chú trọng, đáp ứng yêu cầu của CTĐT; giảng viên có trình độ cao, năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học tốt; kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên đạt được cao; đào tạo và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên, nhân viên được quan tâm thực hiện và ghi nhận; cán bộ hỗ trợ và nhân viên nhiệt huyết, có tinh thần cống hiến. Chính sách tuyển sinh rõ ràng, cập nhật; hoạt động giám sát kết quả học tập và tư vấn, hỗ trợ người học được chú trọng; môi trường tâm lý, cảnh quan sư phạm thuận lợi cho học tập, giảng dạy và nghiên cứu. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành được đầu tư hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được tổ chức nền nếp và chuyên nghiệp, tổ chức hoạt động khởi nghiệp hiệu quả.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Cập nhật mục tiêu CTĐT thể hiện định hướng đào tạo phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện; điều chỉnh cách phân nhóm chuẩn đầu ra của CTĐT, tổ chức hội thảo/thảo luận với các bên liên quan để tham khảo ý kiến khi xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra.



2. Cập nhật Bản mô tả CTĐT, sắp xếp lại một số nội dung để thể hiện tính logic trong triết lý phát triển chương trình đào tạo; rà soát đề cương học phần, đảm bảo quy định cụ thể về nội dung, hình thức và xây dựng rubrics đánh giá hoạt động tự học và cập nhật tài liệu học tập. Bổ sung các bảng ma trận mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của CTĐT với phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá. Thể hiện rõ các thông tin hướng dẫn về áp dụng phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp với từng nội dung trong đề cương học phần.

3. Tích hợp các học phần, bổ sung một số học phần tự chọn phù hợp với chuyên ngành. Đề cương học phần cần xác định các nội dung tự học, thảo luận nhóm và quy định về đánh giá các hoạt động này; phân tích, lựa chọn và xác định các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đánh giá mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần. Định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung của các học phần để kịp thời điều chỉnh; tăng thêm kiến thức về quản lý nhà nước, kỹ năng lập trình và ngoại ngữ; kiến thức dinh dưỡng, công nghệ tưới; sâu bệnh hại cây trồng phổ biến trong nhà kính.

4. Xây dựng văn bản và tổ chức hướng dẫn cách thức chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT và các hoạt động dạy học cho giảng viên và sinh viên; tăng cường các tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo chia sẻ về việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm để áp dụng phù hợp với các học phần, giúp đạt phương pháp dạy học của CTĐT; hướng dẫn sinh viên các chiến lược học tập và phương pháp nghiên cứu khoa học. Tăng thời lượng thực hành, thực tập tại cơ sở; các hoạt động rèn luyện tư duy về quản trị, tư duy phân tích hệ thống, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Quy định cụ thể về kiểm tra đánh giá các nội dung tự học, tự đọc tài liệu ở nhà của người học.

5. Xây dựng và triển khai kế hoạch đánh giá chuẩn đầu ra các CTĐT theo quy định của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; có hướng dẫn cụ thể về các phương thức đánh giá chuẩn đầu ra học phần theo các mức độ đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT mà học phần được phân nhiệm (I, P, R, M); nên có quy định và hướng dẫn về xây dựng ma trận đề thi để đảm bảo đề thi đánh giá được đầy đủ mục tiêu của môn thi/học phần, bao quát được kiến thức của toàn bộ môn thi. Đa dạng hơn các phương pháp đánh giá cho các học phần, chú ý đến việc đánh giá chuẩn đầu ra học phần và đánh giá các kỹ năng mềm. Chủ động thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá chất lượng câu hỏi, đề thi để xác định được độ tin cậy của đề thi. Có văn bản hướng dẫn cụ thể cho sinh viên về việc khiếu nại kết quả học tập, xây dựng quy trình khiếu nại kết quả học tập qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý đào tạo.

6. Đổi mới quản trị đội ngũ giảng viên theo tiếp cận năng lực và phù hợp xu hướng tự chủ: cụ thể yêu cầu và mức năng lực theo từng vị trí giảng viên để đánh giá và đào tạo nâng cao năng lực; tiếp tục hoàn thiện công cụ, phương thức, bộ chỉ số KPIs để áp dụng đánh giá thống nhất, trong đó có ghi nhận hiệu quả đóng góp gắn với đãi ngộ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo; có quy định, hướng dẫn về hoạt động phục vụ cộng đồng để xây dựng và thực hiện chỉ số theo dõi nhiệm vụ này theo các loại hình cụ thể; kiểm soát tỷ lệ người học/giảng viên và có giải pháp giảm tải giảng dạy đối với giảng viên; hoàn thiện đồng bộ chính sách, cơ chế đột phá gắn với tự chủ để thúc đẩy mạnh mẽ công bố quốc tế, hợp tác nghiên cứu liên ngành và ứng dụng để chuyển giao phát huy được tiềm năng trong nghiên cứu khoa học của giảng viên.

7. Quan tâm xây dựng phát triển đội ngũ cố vấn học tập bao gồm hoàn thiện văn bản quy định, tiêu chuẩn tuyển chọn và cách thức tổ chức hoạt động; khuyến khích giảng viên trẻ

tham gia công việc hành chính của Khoa nhằm giảm tải công việc cho các trợ lý, tiến tới cân đối tỷ lệ nhân viên phục vụ hỗ trợ và giảng viên. Sớm hoàn thiện và đưa vào thực hiện bộ KPIs đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ theo hướng lượng hóa rõ ràng, chi tiết, có tính phân loại cao. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm phù hợp.

8. Rà soát tiêu chí và phương thức tuyển sinh một cách bài bản, khảo sát về nhu cầu nhân lực, phân tích và dự báo để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp theo đặc thù của ngành đào tạo. Có các biện pháp hỗ trợ tích cực để giảm tỷ lệ người học thôi học và tỷ lệ người học bị cảnh báo học vụ. Tăng cường các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm thực tế, các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng mềm và tăng cường năng lực ngoại ngữ, tin học cho người học.

9. Tăng cường công tác chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung trên cơ sở kết nối các phần mềm riêng biệt hiện nay. Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại cho công tác số hóa tài liệu, nhất là tài liệu nội sinh phục vụ tra cứu trực tuyến. Đầu tư khai thác những ưu thế của thư viện điện tử, tăng hiệu quả sử dụng; mở rộng nguồn học liệu và bản quyền truy cập, nhất là bản quyền truy cập các tạp chí chuyên ngành quốc tế; bổ sung, cập nhật nguồn học liệu cho thư viện; đầu tư kinh phí cho hệ thống máy chủ với cấu hình mạnh để có thể lưu trữ cơ sở dữ liệu dùng chung của hệ thống phần mềm tích hợp đáp ứng hiệu quả bền vững quản trị đại học tiên tiến.

10. Tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên về phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra; khẩn trương xây dựng bộ công cụ và kế hoạch thực hiện đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định. Nghiên cứu áp dụng các công cụ thẩm định đề thi, phân tích kết quả thi một cách khoa học để phục vụ đánh giá, cải tiến quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá; kết quả đánh giá cũng cần được khai thác triệt để để đảm bảo quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Rà soát, đánh giá một cách hệ thống cơ chế phản hồi của các bên liên quan; tiếp tục chuẩn hoá các công cụ khảo sát để đảm bảo độ tin cậy và giá trị của thông tin thu được; khai thác triệt để kết quả khảo sát các bên liên quan làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

11. Quan tâm cải tiến tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn; phát huy ưu thế của phương thức đào tạo theo tín chỉ và chuyển đổi số để cải tiến mô hình đào tạo, rút ngắn thời gian tốt nghiệp, tạo điều kiện cho người học có nhu cầu và có khả năng học tập theo lộ trình riêng. Khẩn trương xác lập cơ sở dữ liệu các nhà tuyển dụng, triển khai khảo sát ý kiến về chất lượng cựu người học đa dạng và chuyên nghiệp hơn.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Học viện, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Nông nghiệp công nghệ cao gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.



Mu